

Lý thuyết kiến tạo trong dạy học

Nguyễn Hồng Giang*

*Đơn vị: tổ TA2, khoa SPTA, ĐHNN, ĐHQGHN

Received: 7/01/2023; Accepted: 9/01/2023; Published: 30/01/2023

Abstract: *Constructivism is an important learning theory that educators use to help their students learn. Constructivism is based on the idea that people actively construct or make their own knowledge, and that reality is determined by their experiences as a learner. Basically, learners use their previous knowledge as a foundation and build on it with new things that they learn.*

Keywords: *Constructivism, theory, education*

1. Đặt vấn đề

Đổi mới phương pháp dạy học là một trong những vấn đề được Đảng và Nhà nước ta đặc biệt quan tâm trong lĩnh vực giáo dục nhằm đáp ứng yêu cầu của thời đại. Vì vậy, đây là vấn đề đã được chỉ rõ trong các văn bản có tính chất pháp quy của Nhà nước và ngành Giáo dục nước ta. Trong Nghị quyết Trung ương 2 khóa VIII (12 – 1996) của Đảng đã định hướng đổi mới nền giáo dục nước ta nói chung và đổi mới phương pháp dạy học (PPDH) nói riêng có viết: “Cuộc cách mạng về phương pháp giáo dục phải hướng vào người học, rèn luyện và phát triển khả năng suy nghĩ, khả năng giải quyết vấn đề một cách năng động, độc lập, sáng tạo ngay trong quá trình học tập ở nhà trường phổ thông”.

Trong những năm gần đây, lý thuyết kiến tạo đang là một trong những lý thuyết về dạy học thu hút các nhà giáo dục, các nhà sư phạm. Lý thuyết này khuyến khích học sinh tự xây dựng kiến thức cho mình dựa trên những thực nghiệm cá nhân và áp dụng trực tiếp vào môi trường học tập của các em. Việc học của mỗi cá nhân học sinh là trung tâm của tiến trình dạy học, giáo viên đóng vai trò tổ chức điều khiển và là người đại diện cho tri thức khoa học chính thống, đóng vai trò trọng tài để thể chế hóa tri thức về vấn đề của bài học

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Lịch sử ra đời của thuyết kiến tạo

Tư tưởng về Thuyết kiến tạo vốn có từ tư tưởng hoài nghi và nguy biện thời Hi Lạp cổ đại và từ thuyết học tập của Bruner với quan niệm người học tạo nên kiến thức một cách tích cực bằng cách tạo lập một giản đồ (diagram) kết nối các kinh nghiệm với nhau giữa những gì đã biết và cái vừa lĩnh hội được

Thuyết kiến tạo ra đời chính thức từ cuối thế kỷ XVIII với câu nói có ý nghĩa về nhận thức của con

người của nhà triết học Battista Vico: “Con người chỉ có thể hiểu một cách rõ ràng những gì mà người học tự xây dựng nên cho mình”. Vico đã thách thức nguy cơ bá quyền đang manh nha trong ngành khoa học tự nhiên đầu thế kỷ XVIII và tồn tại tới nay trong tư tưởng của Richard Rorty. Tuy nhiên, người đầu tiên nghiên cứu để phát triển tư tưởng kiến tạo một cách rõ ràng và áp dụng vào việc dạy học đó là Jean Piaget (1896 – 1983), người đặt nền móng cho tâm lý học phát triển cho rằng: “Những ý tưởng cần được trẻ em tạo nên chứ không phải được tìm thấy như một viên sỏi hoặc nhận được từ tay người khác như một món quà”. Theo ông, các cấu trúc nhận thức không phải do bẩm sinh mà chúng có một lịch sử phát sinh và phát triển, được hình thành từ hai cơ chế đồng hóa (assimilation) và điều ứng (accommodation).

Đồng hóa là quá trình chủ thể (con người) tiếp nhận và xử lý các thông tin mới từ môi trường xung quanh nhằm đạt được mục tiêu nhận thức nào đó nhờ vào các kiến thức, kỹ năng đã có. Trong dạy học, đồng hóa là quá trình người học vận dụng kiến thức và kỹ năng đã có của mình để giải quyết tình huống học tập mới. Còn điều ứng là quá trình chủ thể thích nghi với một sự kiện mới từ môi trường tác động vào và biến đổi nhận thức cũ sao cho phù hợp với bản chất của sự kiện tác động. Do đó, khi tình huống học tập mới được giải quyết thì kiến thức mới cũng được hình thành và bổ sung vào hệ thống kiến thức đã có. Vì vậy, thông qua hai hoạt động đồng hóa và điều ứng các kiến thức và kỹ năng đã có để thích ứng với môi trường học tập mới, người học xây dựng nên những kiến thức cho mình. Đây chính là cơ sở, nền tảng của LTKT trong dạy học.

Một tác giả khác có nhiều đóng góp cho sự phát triển LTKT là L.X.Vygotsky (1896 – 1934). Ông là người có nhiều đóng góp cho tâm lý học và ứng dụng

tâm lý học vào dạy học. Hai luận điểm quan trọng trong lý thuyết của ông là giả thuyết vùng phát triển gần nhất và dạy học hợp tác. Theo ông, mỗi cá nhân đều có một vùng phát triển gần nhất - thể hiện tiềm năng phát triển của riêng mình. Vùng phát triển gần nhất là vùng phát triển tương ứng với trình độ trẻ có thể đạt được với sự giúp đỡ của người lớn hoặc bạn bè. Do đó, nếu các hoạt động học tập được tổ chức trong vùng này thì sẽ đạt được hiệu quả cao. Thực tế cho thấy, vùng này đã được chuẩn bị trước đó do quá trình phát triển nhận thức, nhưng các em còn chưa đạt tới. Nhờ vào các hoạt động học tập, vùng phát triển gần nhất sẽ trở thành vùng hoạt động hiện tại. Và vùng trước đó là vùng phát triển xa hơn một chút thì bây giờ trở thành vùng phát triển gần nhất. Quá trình cứ lặp lại như vậy và HS cứ leo hết bậc thang này đến bậc thang khác trong quá trình hoạt động và phát triển. Bên cạnh đó, Vygotsky cũng khẳng định: nếu được đặt trong một môi trường kích thích tốt thì trẻ em có thể đạt tới một giai đoạn nhận thức nhanh hơn, hiệu quả hơn. Trong quá trình dạy học, vai trò của văn hóa, ngôn ngữ và các điều kiện tương tác xã hội đã ảnh hưởng, tác động đến việc kiến tạo nên tri thức của mỗi cá nhân, đặc biệt là mối quan hệ tương tác giữa GV và HS, giữa HS với nhau.

2.2. Quan điểm dạy học của LTKT

Quan điểm dạy học của LTKT hiện đại là lấy người học làm trung tâm, thể hiện trên các phương diện dưới đây:

Thứ nhất, tri thức được kiến tạo một cách tích cực bởi chủ thể nhận thức, không phải tiếp thu một cách thụ động từ môi trường bên ngoài. Luận điểm này đã khẳng định vai trò quyết định của chủ thể trong quá trình học tập, nó hoàn toàn phù hợp với thực tiễn hoạt động nhận thức. GV cần làm cho HS thấy được sự cần thiết của những tri thức đó để các em hứng thú, tích cực học tập. Bởi tri thức chỉ thật sự có ý nghĩa sâu sắc với HS nếu các em tích cực, tự lực hoạt động xây dựng nên: “Nhận thức không phải là quá trình người học thụ động thu nhận những kiến thức chân lý do người khác áp đặt lên. Nếu người học được đặt trong một môi trường xã hội tích cực, thì ở đó người học có thể được khuyến khích vận dụng những tri thức và kỹ năng đã có để thích nghi với môi trường mới và từ đó xây dựng nên tri thức mới. Đây chính là quá trình nhận thức của học sinh theo quan điểm kiến tạo”

Thứ hai, nhận thức là một quá trình thích nghi và

tổ chức lại thế giới quan của chính mỗi người. Nhận thức không phải là khám phá một thế giới đang tồn tại bên ngoài ý thức của chủ thể. Về cơ bản quá trình nhận thức của HS cũng giống quá trình nhận thức về tự nhiên và xã hội của các nhà khoa học nhưng độc đáo vì được tiến hành trong những điều kiện sư phạm nhất định, không nhằm tìm ra cái mới mà là nhận thức cái mới cho bản thân rút ra từ kho tàng hiểu biết chung của loài người. Quá trình nhận thức của HS chỉ nhằm mục đích chủ động, tái tạo lại tri thức của nhân loại cho chính bản thân mình, hơn nữa quá trình này lại được diễn ra trong môi trường đặc biệt, có sự hướng dẫn của người thầy.

Thứ ba, học là một quá trình mang tính xã hội, trẻ em phải tự hòa mình vào các hoạt động trí tuệ của những người xung quanh. Trong lớp học, HS không chỉ tham gia vào việc tái tạo tri thức của nhân loại mà còn tham gia vào quá trình hợp tác với bạn học và với cả GV để giải thích, trao đổi, đàm phán và đánh giá vấn đề. Luận điểm này đã khẳng định vai trò quan trọng của sự tương tác giữa các cá nhân trong quá trình dạy học. Bởi học tập không phải là một hoạt động chỉ diễn ra trong đầu óc con người, hay là một sự phát triển thụ động về các hành vi của con người, mà còn được hình thành bởi những tác động bên ngoài.

Thứ tư, những tri thức mới của mỗi cá nhân nhận được từ việc điều chỉnh lại thế giới quan của họ. Thế giới quan đó cần phải đáp ứng được những yêu cầu mà tự nhiên và thực trạng xã hội đặt ra. Như vậy, LTKT mặc dù đề cao vai trò chủ thể nhận thức nhưng vẫn không được xa rời mục tiêu giáo dục phổ thông, phù hợp với lứa tuổi, tri thức khoa học và những yêu cầu mà thực tiễn xã hội đặt ra.

2.3. Các loại kiến tạo trong dạy học

2.3.1. Kiến tạo cơ bản

Kiến tạo cơ bản (còn gọi là kiến tạo nội sinh) là lý thuyết về nhận thức nhằm miêu tả cách thức cá nhân xây dựng tri thức cho bản thân trong quá trình học tập tri thức là kết quả hoạt động của chính chủ thể. Kiến tạo cơ bản lấy kinh nghiệm đã có của cá nhân làm nền tảng để hình thành thế giới quan khoa học, đồng thời quan tâm đến quá trình chuyển hóa nhận thức bên trong của mỗi người học. Kinh nghiệm, kiến thức đã có chính là vật liệu thô để người học xây dựng nên kiến thức mới. Do vậy, trong quá trình dạy học, phải tạo điều kiện cho HS khai thác vốn kinh nghiệm, kiến thức sẵn có của mình, từ đó các em

cảm thấy hứng thú hơn, chủ động hơn trong các hoạt động học tập. Như thế, người học sẽ trở thành người sở hữu những tri thức mà mình đã tự xây dựng nên. Thông qua các hoạt động đồng hóa và điều ứng, tri thức mới được hình thành bao gồm cả quá trình kế thừa, phát triển các quan niệm đúng sẵn có đồng thời loại bỏ những quan niệm chưa đúng của người học. Kiến tạo cơ bản có mặt mạnh là đã chỉ ra cách thức người học xây dựng nên tri thức cho mình trong quá trình học tập, nhưng nếu đề cao quá mức vai trò chủ động của mỗi cá nhân thì người học sẽ bị đặt trong tình trạng cô lập về tổ chức nhận thức. Do đó, kiến thức xây dựng nên sẽ thiếu tính xã hội.

2.3.2. Kiến tạo xã hội

Kiến tạo xã hội (còn gọi là kiến tạo ngoại sinh) chú ý tới mối quan hệ chặt chẽ giữa chủ thể nhận thức với môi trường xã hội bên ngoài trong quá trình hình thành tri thức mới. Theo Vygotsky, việc học của con người không chỉ dừng lại ở quá trình kiến tạo cơ bản mà đồng thời được thực hiện thông qua sự tương tác, tranh luận trong cộng đồng. Bởi vậy, kiến thức được kiến tạo nên đều mang tính xã hội. Kiến tạo xã hội đã nhấn mạnh vai trò của các yếu tố văn hóa, các điều kiện xã hội và sự tác động của các yếu tố đó đến sự hình thành kiến thức. Kết quả của sự kiến tạo xã hội ở tầm cao nhất là sự hình thành hệ thống tri thức khoa học mà con người xây dựng nên và đã được xã hội thừa nhận. Tương tác xã hội đóng một vai trò quan trọng trong việc kiến tạo kiến thức, vì vậy việc tăng cường hợp tác, giao tiếp giữa HS với nhau và với GV là điều kiện để các em tự mình kiến tạo nên kiến thức. Điểm mạnh của kiến tạo xã hội là nhấn mạnh đến vai trò các yếu tố xã hội bên ngoài chủ thể nhưng cũng có nhược điểm là chưa đề cao, phát huy vai trò của chủ thể tích cực trong quá trình nhận thức.

2.4. Vai trò, vị trí của GV và HS trong LTKT

LTKT luôn xem HS có vai trò trung tâm, chủ động trong suốt quá trình dạy học. Trong đó, HS cần có thái độ chủ động và tích cực trong việc đón nhận và tiếp thu tri thức mới. Chủ động trong việc huy động, vận dụng những tri thức, kỹ năng cũ vào quá trình tìm kiếm tri thức mới. HS cần tích cực, chủ động trong quá trình thảo luận, trao đổi thông tin với bạn bè và giáo viên. Cần tham gia nhiều các hoạt động học tập mở như: tham gia các diễn đàn học tập trên mạng internet, seminar, thảo luận nhóm... Ngoài ra, HS phải chủ động bộc lộ các quan điểm và khó khăn của mình trong những tình huống học tập mới. HS cần phải biết tự điều chỉnh lại tri thức cũ sau

khi đã lĩnh hội được tri thức mới, thông qua việc giải quyết các tình huống trong học tập.

Giáo viên trong quá trình dạy học theo LTKT có vai trò rất quan trọng. GV cần nắm được kiến thức vốn có của HS để từ đó có thể đưa ra được những định hướng, gợi mở thích hợp. Những gợi ý của GV phải dựa trên những gì mà HS đã có; các kết quả mới thu được một cách tự nhiên. Hơn nữa, GV phải là người bạn, là người học cùng với HS. Việc học tập là một quá trình tương tác với nhiều mối quan hệ khác nhau. Trong đó, có một kênh quan trọng chính là sự giao tiếp, trao đổi giữa HS với HS, giữa HS với GV. Trong quá trình đó, HS có thể đưa ra những quan điểm, thắc mắc của mình; hay đưa ra lời giải, cách chứng minh một bài toán nào đó. Đó chính là thời điểm phù hợp nhất để GV có thể đưa ra những tư vấn, những trao đổi, những câu hỏi có tính mở rộng, đào sâu hơn những vấn đề mà HS vừa nêu; qua đó giúp cho các em có thể giải đáp được những thắc mắc của mình. Đó cũng chính là quá trình kiến tạo ra tri thức mới.

3. Kết luận

Dạy học kiến tạo không phải là một phương pháp hoàn toàn mới. Tuy nhiên, nó có nhiều ưu điểm và có thể áp dụng vào nhiều đối tượng, môi trường học tập khác nhau. Trong các xu hướng dạy học hiện đại hiện nay thì dạy học theo quan điểm kiến tạo có tiếng nói mạnh mẽ trong giáo dục nói chung và dạy học Toán nói riêng. Đây cũng là một vấn đề được nhiều tác giả quan tâm và nghiên cứu. Tuy nhiên, việc vận dụng phương pháp này vào dạy học là một việc làm khó. Muốn thành công trong một tiết lên lớp thì GV cần phải dạy cho học sinh cách tự xây dựng kiến thức cho chính mình. Dạy học theo quan điểm kiến tạo là lôi cuốn, hấp dẫn HS, nhưng nó đòi hỏi sự nỗ lực rất cao từ cả hai phía là người dạy và người học. Nếu có thể vận dụng tốt phương pháp này vào dạy và học thì chắc chắn sẽ đạt nhiều hiệu quả cao.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Hữu Châu (2005). Dạy học kiến tạo, vai trò của người học và quan điểm kiến tạo trong dạy học. *Tạp chí Dạy và Học ngày nay*, 5(18-20).
2. Đặng Thành Hưng (2013). Thiết kế bài học và tiêu chí đánh giá. *Tạp chí Khoa học Giáo dục*, 94 (4-7).
3. Tam, M. (2000). Constructivism, Instructional Design, and Technology: Implications for Transforming Distance Learning. *Educational Technology and Society*, 3 (2).